

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thái.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2025/TLST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Phú H**, sinh ngày 09-02-2002 tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Võ Thị Ngọc H1 và chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 07-8-2024; có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn T1**, sinh ngày 29-12-1996 tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Trương Kiều M và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 19-02-2025; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn G**, sinh ngày 12-3-2005 tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Kim T2; chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Có

02 tiền sự, ngày 03-7-2023 bị Công an thị xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Mang theo trong người công cụ hỗ trợ nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác (chưa nộp phạt); ngày 20-9-2024 bị Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng kể từ ngày 28-8-2024; bị tạm giam ngày 09-4-2025; có mặt.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1989; địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1958; địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

4. Ông **Nguyễn Thanh T3**, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04-06-2024 các bị cáo Phạm Phú H và Phạm Văn T1 đi dự đám tang tại nhà của ông Đ1 (ở khóm T, Phường B, thị xã N), trong lúc dự tiệc thì giữa các bị cáo cùng với bị hại Nguyễn Văn S xảy ra cự cãi và thách thức đánh nhau, nhưng được mọi người can ngăn và anh Nguyễn Văn S bỏ đi về nhà trước, sau đó các bị cáo H và T1 cũng chạy xe mô tô ra về, khi đi về ngang nhà của bị cáo Nguyễn Văn G, thì bị cáo H dừng xe mô tô lại và nói với bị cáo G “*đi công chuyện với anh*”, nghe vậy bị cáo G đồng ý và lên xe mô tô để cho bị cáo H chở đi, trên đường đi bị cáo H nói với bị cáo G “*lúc dự tiệc anh bị S thách thức rủ đâm lộn, giờ mình lên gặp S để nói chuyện hỏi tại sao rủ đâm lộn hoài vậy*”, nói xong bị cáo H lấy ra trái pháo (loại pháo nổ tự chế mà bị cáo đặt mua trên mạng) đưa cho bị cáo G cầm trên tay, rồi bị cáo H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở các bị cáo T1 và G đi về nhà của bị cáo H, tại đây bị cáo H vào nhà lấy 01 con dao (cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại sắc bén, chiều dài khoảng 20cm), còn bị cáo T1 lấy 01 ống kim loại (hình trụ màu trắng chiều dài 33cm), rồi tất cả 03 bị cáo cùng đi bộ về hướng nhà của bị hại Nguyễn Văn S (ở khóm T, Phường B, thị xã N).

Trên đường đi, bị cáo H nói với bị cáo G “*khi nào có đánh nhau thì cầm trái pháo đốt ném*”, bị cáo G hỏi lại bị cáo H “*Sao cho em cầm có trái pháo vậy*”, bị cáo H trả lời “*Cầm trái pháo được rồi, để đến đó rồi coi sao*”. Khi đi bộ đến nhà của bị hại Nguyễn Văn S, thì bị cáo H đứng trước cửa nhà kêu bị hại Nguyễn Văn S ra nói chuyện, nghe vậy ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H2 (cha mẹ của

bị hại) đi ra nói chuyện qua lại với bị cáo H, lúc này bị cáo G đi lại và nói lớn “*Sắc ơi, mày kiếm chuyện với người ta mà giờ để cha mẹ mày ra nói chuyện nè, coi được không*”, nghe vậy bị hại Nguyễn Văn S từ trong nhà cầm khúc gỗ dài khoảng 1,5 mét bước ra nói chuyện qua lại với bị cáo H thì xảy ra xô xát đánh nhau, trong lúc hai bên giằng co qua lại thì bị cáo H cầm con dao (đem theo sẵn) đâm nhiều nhát dao vào người của bị hại Nguyễn Văn S gây thương tích. Khi đó, bị cáo T1 cầm ống sắt bằng kim loại nhào lại định đánh nhưng thấy bị hại Nguyễn Văn S đã bị thương tích nặng, nên bị cáo T1 dừng lại và cùng với bị cáo H bỏ chạy ra ngoài lộ. Lúc này, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H2 và người thân trong gia đình chạy ra ngoài sân, thì bị cáo G hỏi bị cáo H “*Trái pháo nầy tính sao*”, bị cáo H nói “*đốt pháo ném đi*”. Nghe vậy, bị cáo G bật ống quẹt gas lên châm lửa vào trái pháo (tự chế) rồi ném vào sân nhà của ông Nguyễn Văn L gây ra tiếng nổ lớn nhằm uy hiếp về mặt tinh thần để không bị truy đuổi, rồi các bị cáo H, T1 và G nhanh chóng rời khỏi hiện trường, trên đường đi bị cáo H đã ném bỏ con dao xuống sông để phi tang.

Bị hại Nguyễn Văn S được gia đình đưa đến Trung tâm y tế N2 cấp cứu và sau đó chuyển lên BV Đ2 để điều trị vết thương.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, số: 359/KLTTCT-TTPYST, ngày 25-7-2024, của Trung tâm pháp y tỉnh S, bị hại Nguyễn Văn S bị tổn thương qua kết luận giám định:

- Sẹo đường rạch giữa liên sườn 7, 8 bên phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (Một phần trăm).

- Sẹo đường rạch giữa liên sườn 9, 10 bên phải, kích thước nhỏ, tổn thương thấu ngực - bụng gây thủng thận phải, thủng gan phân thùy VI, VII, thủng cơ hoành, tràn dịch màng phổi phải đã được phẫu thuật khâu thận phải, khâu gan, khâu cơ hoành, dẫn lưu màng phổi phải, còn tổn thương phổi phải, còn tổn thương gan hạ phân thùy VI. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (Một phần trăm); 16% (Mười sáu phần trăm); 31% (Ba mươi một phần trăm); 21% (Hai mươi một phần trăm) và 11% (Mười một phần trăm).

- Sẹo phẫu thuật xuôi giữa bụng trên dưới rốn, sẹo dẫn lưu màng phổi phải, 02 sẹo dẫn lưu thành bụng phải, 01 sẹo kích thước lớn, 03 sẹo kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% (Ba phần trăm); 01% (Một phần trăm), 01% (Một phần trăm) và 01% (Một phần trăm).

- 02 sẹo mu bàn tay trái, 01 sẹo kích thước trung bình, 01 sẹo kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (Hai phần trăm) và 01% (Một phần trăm).

- Tổn thương xương đòn trái cal gỗ (có trước vụ việc). Không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28-8-2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Văn S tại thời điểm giám định là: 64%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm: Một thanh kim loại hình trụ, màu trắng, chiều dài 33cm, đường kính 2,6cm, bên trong rỗng, một đầu dày 0,3cm, đầu còn lại dày 0,5cm của bị cáo Phạm Văn T1; Một bát lửa bằng nhựa màu trắng, chiều dài 7,8cm, đường kính 2,2cm, có nút bật màu cam, trên thân có dòng chữ HOAVIET, một mặt có hình quả táo màu cam, một mặt có hình điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Văn G.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn S yêu cầu các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1 và Nguyễn Văn G bồi thường tiền thang thuốc điều trị, tiền xe tàu ăn uống, tiền ngày công lao động của người bệnh và người nuôi bệnh, tiền bồi dưỡng sức khỏe và tổn thất về tinh thần với tổng số tiền 214.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Phú H đã giao cho gia đình bị hại 5.000.000 đồng tại bệnh viện và nộp số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Phạm Văn T1 nộp số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn G nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Cáo trạng số 39/CT-VKSNN ngày 12-6-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) truy tố các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ giữ quyền công tố đã luận tội và tranh luận; sau khi phân tích hành vi, mức độ phạm tội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G. Xử phạt bị cáo Phạm Phú H từ 08 năm đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn S tổng số tiền 128.075.622 đồng. Đối với bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 42.691.874 đồng. Bị cáo Phạm Phú H có nghĩa vụ bồi thường 42.691.874 đồng, được trừ vào số tiền đã giao trước 5.000.000 đồng nên còn tiếp tục bồi thường 37.691.874 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy một thanh kim loại hình trụ, màu trắng, chiều dài 33cm, đường kính 2,6cm, bên trong rỗng, một đầu dày 0,3cm, đầu còn lại dày 0,5cm; Một bát lửa bằng nhựa màu trắng, chiều dài 7,8cm, đường kính 2,2cm, có nút bật màu cam, trên thân có dòng chữ HOAVIET, một mặt có hình quả táo màu cam, một mặt có hình điện thoại di động.

- Các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố đúng với toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình, làm công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực 7 – Cần Thơ) trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn Thanh T3: Xét thấy, người làm chứng đã có lời khai đầy đủ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở đến việc xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tường trình của các bị cáo, của bị hại và người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố. Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, vào ngày 04-06-2024 bị cáo Phạm Phú H đã chuẩn bị 01 con dao (cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại sắc bén, chiều dài khoảng 20 cm); bị cáo Phạm Văn T1 cầm theo 01 ống kim loại (hình trụ màu trắng chiều dài 33 cm) và bị cáo Nguyễn Văn G cầm 01 trái pháo (loại pháo nổ tự chế). Cả ba cùng đi bộ đến nhà của bị hại Nguyễn Văn S để giải quyết mâu thuẫn trước đó. Khi giữa hai bên gặp mặt nói chuyện qua lại dẫn đến xô xát, bị cáo Phạm Phú H dùng dao, là hung khí nguy hiểm, đâm nhiều nhát vào người bị hại Nguyễn Văn S gây tổn thương cơ thể cho bị hại qua giám định là 64%, thuộc tình tiết định khung tăng nặng của tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với bị cáo Phạm Văn T1, trong lúc giữa bị cáo Phạm Phú H và bị hại xô xát với nhau thì bị cáo T1 cầm 01 ống kim loại dài 33 cm nhào lại định đánh bị hại, nhưng thấy bị hại đã bị thương nặng nên bị cáo dừng lại không đánh nữa mà bỏ chạy ra ngoài lộ. Đối với bị cáo Nguyễn Văn G, trên đường đi bị cáo H đưa cho bị cáo trái pháo cầm trên tay và dặn “khi có xảy ra đánh nhau thì cầm trái pháo đốt ném”, và bị cáo G còn hỏi lại bị cáo H “Sao cho em cầm có trái pháo đây?”, cho thấy bị cáo nhận thức được khi đến nhà của bị hại nói chuyện sẽ xảy ra đánh nhau, nhưng bị cáo vẫn đồng ý đi chung và chấp nhận hậu quả xảy ra. Thực tế khi bị cáo H dùng dao gây thương tích cho bị hại xong, bị cáo G đã cầm trái pháo đốt ném vào sân nhà của bị hại như lời của bị cáo H đã dặn trước đó. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Văn T1 và Nguyễn Văn G là “đồng phạm giúp sức” nên cùng chịu trách nhiệm hình sự với bị cáo Phạm Phú H về tội “Cố ý gây

thương tích”, theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, là khách thể mà pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 64%. Bị cáo sử dụng dao là hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhát vào vùng bụng của bị hại nhưng không có chủ đích nhắm vào vùng trọng yếu trên cơ thể để tước đoạt tính mạng của bị hại mà xảy ra trong quá trình giằng co, xô xát. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố đối với hành vi của các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[6] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự điều hành, câu kết chặt chẽ và phân công vai trò cụ thể, là đồng phạm giản đơn. Khi quyết định mức hình phạt, HĐXX xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau đây của bị cáo:

[7] Về vai trò đồng phạm: Bị cáo Phạm Phú H là người cầm đầu, khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo Phạm Văn T1 và Nguyễn Văn G phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Phú H và Phạm Văn T1 có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn G có nhân thân không tốt, có 02 tiền sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo Phạm Phú H đã giao cho gia đình bị hại 5.000.000 đồng và nộp số tiền 15.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự để khắc phục hậu quả; bị cáo Phạm Văn T1 nộp số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn G nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm nhằm khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn S. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị cáo Phạm Phú H và Phạm Văn T1 có chú là Phan Văn N1, cô ruột là Phạm Thị B và cậu ruột là Nguyễn Văn L1 có công với cách mạng. Bị cáo Nguyễn Văn G có ông nội Nguyễn Văn Ú là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét đối với số tiền các bị cáo nộp khắc phục hậu quả là không đáng kể so với thiệt hại mà mình đã gây ra cho bị hại, nên khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, HĐXX cân nhắc mức độ giảm nhẹ tương xứng và không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các khoản bồi thường theo yêu

cầu của bị hại tổng cộng là 214.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết mức bồi thường theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, người yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe có nghĩa vụ nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, căn cứ theo quy định của pháp luật và tài liệu, chứng cứ do bị hại ông Nguyễn Văn S cung cấp, HĐXX xem xét từng khoản thiệt hại và mức bồi thường như sau:

[12] + Chi phí cứu chữa, điều trị, tiền viện phí, tiền thuê phương tiện đưa bị hại đi cấp cứu, điều trị và chi phí hợp lý khác khi cứu chữa, điều trị tại Trung tâm Y tế thị xã N2, tỉnh Sóc Trăng; Bệnh viện Đ3 có phiếu thu, toa vé chứng minh nên được HĐXX chấp nhận tổng số tiền 33.952.930 đồng.

[13] + Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh, tổng là 19 ngày nên được chấp nhận số tiền là 3.222.692 đồng.

[14] - Thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại trong 15 ngày nằm viện và 04 ngày đi khám bệnh của bị hại x 250.000 đồng/ngày là 5.000.000 đồng.

[15] - Thu nhập thực tế bị mất của người nuôi bệnh trong 15 ngày nằm viện và 04 ngày đi khám bệnh của bị hại x 200.000 đồng/ngày = 4.000.000 đồng. Chi phí hợp lý khác cho người chăm sóc thì bị hại không có chứng từ để chứng minh, riêng tiền tàu xe đi lại đã tính chung khi di chuyển cùng với người bệnh.

[16] - Về tổn thất tinh thần, HĐXX xét thấy thương tích mà bị cáo gây ra cho bị hại ở vị trí vùng trọng yếu, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể qua giám định đến 64%, vết thương nghiêm trọng ảnh hưởng đến sinh hoạt và lao động của bị hại. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại bằng 35 lần mức lương cơ sở tại thời điểm giải quyết, là phù hợp với tỷ lệ tổn thương, vị trí thương tật trên cơ thể, tính chất, mức độ tổn thất về tinh thần mà bị hại phải gánh chịu và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

[17] Như vậy, phần yêu cầu của bị hại được HĐXX chấp nhận tổng số tiền buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là 128.075.622 đồng. Đối với phần chi phí phẫu thuật, tiền ăn uống, phục hồi chức năng cơ thể đến phiên tòa sơ thẩm bị hại chưa cung cấp được hóa đơn, chứng từ để chứng minh. Ngoài ra, bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất khả năng lao động cho đến lúc chết là không phù hợp với nguyên tắc giải quyết bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trường hợp sau này bị hại vẫn phải tiếp tục điều trị thì các chi phí phát sinh sau thời điểm Tòa án giải quyết vẫn có quyền yêu cầu bằng vụ án khác.

[18] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ đều là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[19] Đối với các bị cáo Phạm Phú H và Nguyễn Văn G có hành vi mua và sử dụng trái phép pháo nổ, Kiểm sát viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[20] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[21] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Xử phạt bị cáo Phạm Phú H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

4. Trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Phạm Phú H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn G có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn S số tiền 128.075.622 đồng, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 42.691.874 đồng. Phần nghĩa vụ của bị cáo Phạm Phú H được trừ vào số tiền bị cáo đã giao trước 5.000.000 đồng cho gia đình bị hại, còn lại 37.691.874 đồng.

Giao Cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục quản lý số tiền bị cáo Phạm Phú H nộp 15.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000853 ngày 28-10-2024; bị cáo Phạm Văn T1 nộp 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000923 ngày 26-12-2025; bị cáo Nguyễn Văn G nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000950 ngày 19-5-2025, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để bảo đảm thi hành án.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy Một thanh kim loại hình trụ, màu trắng, chiều dài 33cm, đường kính 2,6cm, bên trong rỗng, một đầu dày 0,3cm, đầu còn lại dày 0,5cm của bị cáo Phạm Văn T1; Một bát lửa bằng nhựa màu trắng, chiều dài 7,8cm, đường kính 2,2cm, có nút bát màu cam, trên thân có dòng chữ HOAVIET, một mặt có hình quả táo màu cam, một mặt có hình điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Văn G.

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.253.781 đồng. Mỗi bị cáo có nghĩa vụ đối với 1.751.260 đồng.

8. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- Phòng HSNV Công an Tp. Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm